

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THI SÁT HẠCH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN ĐỢT 2 NĂM 2026
(Đính kèm quyết định số /QĐ-SXD ngày tháng năm 2026)
Ngày thi: 08, 09/8/2026

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1	S1-01	Nguyễn Văn An	Nam	18/08/1999	100	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2	S1-02	Trần Hồng An	Nam	12/08/1995	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
3	S1-03	Bùi Thị Mai Anh	Nữ	28/01/1995	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
4	S1-04	Bùi Tuấn Anh	Nam	26/10/1986	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
5	S1-05	Hứa Thị Vân Anh	Nữ	15/02/1988	100	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
6	S1-06	Lê Đức Anh	Nam	28/03/2005	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
7	S1-07	Lê Quỳnh Anh	Nữ	30/06/1998	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
8	S1-08	Lê Thị Ngọc Anh	Nữ	19/02/1986	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
9	S1-09	Lê Tuấn Anh	Nam	11/05/1994	78,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
10	S1-10	Lê Tuấn Anh	Nam	25/05/1993	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
11	S1-11	Ngô Tuấn Anh	Nam	30/06/1993	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
12	S1-12	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	30/04/1992	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
13	S1-13	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	20/01/1986	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
14	S1-14	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	09/09/1993	100	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
15	S1-15	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	05/07/1985	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
16	S1-16	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	27/11/1992	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
17	S1-17	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	07/09/1998	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
18	S1-18	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	18/04/1993	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
19	S1-19	Nguyễn Văn Anh	Nam	02/03/1992	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
20	S1-20	Phạm Ngọc Anh	Nữ	25/11/1991	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
21	S1-21	Phạm Tuấn Anh	Nam	14/02/1994	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
22	S1-22	Phan Đức Anh	Nam	27/08/1994	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
23	S1-23	Phan Thị Thúy Anh	Nữ	08/12/1995	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
24	S1-24	Trần Diệu Anh	Nữ	13/09/1996	100	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
25	S1-25	Trần Ngọc Anh	Nữ	23/10/1997	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
26	S1-26	Trần Việt Anh	Nam	17/11/1995	100	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
27	S1-27	Vũ Diễm Anh	Nữ	07/07/2005	100	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
28	S1-28	Vũ Hồng Vân Anh	Nữ	20/02/1998	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
29	S1-29	Vũ Quỳnh Anh	Nữ	17/12/1972	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
30	S1-30	Nguyễn Văn Anh	Nam	15/06/ 1995	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
31	S1-31	Bùi Thị Vân Anh	Nữ	14/03/1995	100	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
32	S1-32	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	Nam	20/03/1991	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
33	S1-33	Nguyễn Phương Anh	Nữ	11/02/2007	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
34	S1-34	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01/06/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
35	S1-35	Trần Hồng Anh	Nam	30/01/2003	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
36	S1-36	Trần Phương Anh	Nữ	23/08/2004	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
37	S1-37	Sử Vũ Hải Anh	Nữ	24/05/1979	98,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
38	S1-38	Lê Vân Anh	Nữ	09/10/1999	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
39	S1-39	Võ Trần Hải Anh	Nam	06/11/2005	98,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
40	S1-40	Lương Phương Anh	Nữ	03/11/2000	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
41	S1-41	Đoàn Tuấn Anh	Nam	12/11/2002	98,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
42	S1-42	Nguyễn Đức Anh	Nam	19/10/2003	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
43	S1-43	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	05/05/1990	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
44	S1-44	Nguyễn Thị vân Anh	Nữ	25/07/1985	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
45	S1-45	Dương Thị Ánh	Nữ	10/02/1992	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
46	S1-46	Đàm Thị Hồng Ánh	Nữ	29/02/2000	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
47	S1-47	Hoàng Thị Ánh	Nữ	18/10/1992	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
48	S1-48	Hoàng Thị Ánh	Nữ	05/07/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
49	S1-49	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	03/01/1993	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
50	S1-50	Nguyễn Văn Ánh	Nam	07/01/1979	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
51	S1-51	Phạm Thị Ánh	Nữ	30/05/1994	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
52	S1-52	Trần Đình Ánh	Nam	20/01/2002	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
53	S1-53	Ngô Đắc Bằng	Nam	15/01/1984	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
54	S1-54	Bùi Trọng Bằng	Nam	09/12/1982	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
55	S1-55	Trần Viết Bảo	Nam	24/10/2002	100	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
56	S1-56	Nguyễn Văn Bảo	Nam	04/06/1978	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
57	S1-57	Hoàng Văn Bế	Nam	09/06/1985	97,50	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
58	S1-58	Đào Thị Thanh Bến	Nữ	13/09/1980	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
59	S1-59	Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	27/04/2000	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
60	S1-60	Trần Thị Bích	Nữ	29/12/1985	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
61	S1-61	Nguyễn Thị Bích	Nữ	12/01/1984	95,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
62	S1-62	Nguyễn Đình Biên	Nam	20/01/1986	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
63	S1-63	Nguyễn Văn Biên	Nam	20/01/1986	95,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
64	S1-64	Ngô Văn Bính	Nam	28/12/1986	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
65	S1-65	Nguyễn Thị Hoà Bình	Nữ	28/11/1998	95,00	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
66	S1-66	Phạm Thị Bình	Nữ	16/12/1995	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
67	S1-67	Lai Xuân Bình	Nam	24/08/1980	93,75	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
68	S1-68	Kiều Duy Bộ	Nam	07/07/1987	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
69	S1-69	Chu Thị Bông	Nữ	30/01/1982	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
70	S1-70	Hoàng Văn Cai	Nam	29/12/1989	96,25	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
71	S1-71	Nông Thị Cam	Nữ	28/10/1985	82,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
72	S1-72	Đồng Thanh Cẩm	Nam	15/07/1979	92,50	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
73	S1-73	Nguyễn Huyền Châu	Nữ	22/12/2000	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
74	S1-74	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	15/12/2005	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
75	S1-75	Đỗ Văn Chí	Nam	12/12/1982	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
76	S1-76	Hoàng Đức Chiến	Nam	24/05/1995	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
77	S1-77	Nguyễn Anh Chiến	Nam	15/7/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
78	S1-78	Nguyễn Duy Chiến	Nam	12/02/1984	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
79	S1-79	Nguyễn Văn Chiến	Nam	25/06/1990	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
80	S1-80	Trần Mạnh Chiến	Nam	13/07/2002	100	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
81	S1-81	Nguyễn Thị Mai Chinh	Nữ	23/01/2007	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
82	S1-82	Nguyễn Việt Chinh	Nữ	27/10/2002	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
83	S1-83	Phạm Đình Chính	Nam	13/06/1992	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
84	S1-84	Nông Thị Chinh	Nữ	05/08/1984	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
85	S1-85	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	20/06/1968	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
86	S1-86	Vũ Ngọc Chinh	Nam	15/11/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
87	S1-87	Nguyễn Huy Chúc	Nam	17/9/1979	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
88	S1-88	Lê Đình Chung	Nam	04/07/1985	86,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
89	S1-89	Nguyễn Công Chung	Nam	23/01/1989	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
90	S1-90	Nguyễn Đình Chung	Nam	29/12/1996	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
91	S1-91	Phạm Xuân Chường	Nam	31/05/1991	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
92	S1-92	La Tiến Công	Nam	14/05/1986	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
93	S1-93	Bùi Chí Công	Nam	01/09/1995	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
94	S1-94	Nguyễn Huy Công	Nam	30/09/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
95	S1-95	Cao Bá Cua	Nam	11/09/1981	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
96	S1-96	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	25/08/1983	91,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
97	S1-97	Nguyễn Việt Cường	Nam	24/01/1977	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
98	S1-98	Phạm Quốc Cường	Nam	24/05/2005	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
99	S1-99	Trương Hữu Cường	Nam	29/08/1992	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
100	S1-100	Dương Quảng Đại	Nam	05/10/1984	77,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
101	S1-101	Đặng Ngọc Đại	Nam	23/05/1983	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
102	S1-102	Nguyễn Trọng Đại	Nam	16/10/2007	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
103	S1-103	Đào Đức Đại	Nam	23/01/1983	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
104	S1-104	Nguyễn Văn Đàm	Nam	12/05/1990	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
105	S1-105	Nguyễn Văn Dân	Nam	03/09/1974	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
106	S1-106	Hồ Thị Đan	Nữ	06/09/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
107	S1-107	Trần Tuấn Đăng	Nam	20/03/1993	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
108	S1-108	Phạm Đăng	Nam	05/09/2007	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
109	S1-109	Nguyễn Văn Đạo	Nam	12/06/1988	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
110	S1-110	Ngô Quang Đạo	Nam	29/05/1997	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
111	S1-111	Vũ Tuấn Đạt	Nam	25/04/1993	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
112	S1-112	Nguyễn Văn Đạt	Nam	02/10/1976	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
113	S1-113	Đinh Văn Đạt	Nam	02/09/1987	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
114	S1-114	Nguyễn Thành Đạt	Nam	10/01/1996	87,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
115	S1-115	Nguyễn Thành Đạt	Nam	02/08/1996	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
116	S1-116	Lê Văn Đạt	Nam	09/07/2002	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
117	S1-117	Đỗ Thị Diễm	Nam	07/03/1984	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
118	S1-118	Phạm Thị Kiều Diễm	Nam	09/08/1992	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
119	S1-119	Nguyễn Xuân Diễm	Nam	02/08/1993	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
120	S1-120	Đào Bạch Diệp	Nam	02/10/1991	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
121	S1-121	Nguyễn Ngọc Diệp	Nam	06/08/1995	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
122	S1-122	Phạm Thị Diệp	Nam	15/12/1980	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
123	S1-123	Lương Xuân Diệp	Nam	05/08/1991	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
124	S1-124	Nguyễn Hồng Điều	Nam	19/02/1968	91,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
125	S1-125	Nguyễn Văn Định	Nam	02/12/1983	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
126	S1-126	Trần Thị Dị	Nam	04/09/2001	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
127	S1-127	Trần Thị Dị	Nam	27/02/1985	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
128	S1-128	Vũ Quang Độ	Nam	26/11/ 1979	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
129	S1-129	Đỗ Văn Đoàn	Nam	05/02/1988	97,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
130	S1-130	Nguyễn Hoàng Đoàn	Nam	22/10/1988	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
131	S1-131	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	17/03/2000	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
132	S1-132	Phạm Văn Đoàn	Nam	05/08/1984	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
133	S1-133	Thân Văn Đoàn	Nam	20/01/1982	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
134	S1-134	Phạm Quốc Doanh	Nam	06/10/1985	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
135	S1-135	Hoàng Trung Đông	Nam	16/12/1992	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
136	S1-136	Nguyễn Hữu Đông	Nam	02/03/1997	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
137	S1-137	Nguyễn Ngọc Đông	Nam	03/12/1993	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
138	S1-138	Trần Văn Đông	Nam	14/11/1985	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
139	S1-139	Trần Văn Đông	Nam	29/01/1989	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
140	S1-140	Nguyễn Thị Dư	Nam	12/10/1986	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
141	S1-141	Bùi Huỳnh Đức	Nam	25/01/2005	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
142	S1-142	Hà Mạnh Đức	Nam	30/08/2004	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
143	S1-143	Nguyễn Đình Đức	Nam	20/07/1978	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
144	S1-144	Nguyễn Minh Đức	Nam	29/01/1993	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
145	S1-145	Nguyễn Vũ Việt Đức	Nam	28/04/1995	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
146	S1-146	Phạm Ngọc Đức	Nam	03/01/2003	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
147	S1-147	Đình Phú Đức	Nam	03/04/1989	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
148	S1-148	Trần Minh Đức	Nam	18/12/1988	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
149	S1-149	Đỗ Duy Đức	Nam	15/09/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
150	S1-150	Nguyễn Văn Đức	Nam	04/11/1992	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
151	S1-151	Hoàng Thị Dung	Nam	15/01/1990	88,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
152	S1-152	Ngân Thị Hòa Dung	Nam	20/08/1984	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
153	S1-153	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nam	7/16/1984	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
154	S1-154	Trần Thị Phương Dung	Nam	22/11/1984	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
155	S1-155	Triệu Thị Dung	Nam	4/8/1984	97,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
156	S1-156	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nam	13/12/1980	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
157	S1-157	Dương Tiến Dũng	Nam	04/09/1994	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
158	S1-158	Dương Trọng Dũng	Nam	31/10/1982	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
159	S1-159	Nguyễn Quang Dũng	Nam	23/03/1994	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
160	S1-160	Phạm Chí Dũng	Nam	18/08/1993	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
161	S1-161	Phí Mạnh Dũng	Nam	23/07/1980	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
162	S1-162	Trần Tiến Dũng	Nam	20/12/1989	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
163	S1-163	Trần Văn Dũng	Nam	22/12/1984	97,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
164	S1-164	Vũ Đình Dũng	Nam	04/04/1997	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
165	S1-165	Nguyễn Anh Dũng	Nam	19/06/1985	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
166	S1-166	Phan Tiến Dũng	Nam	20/11/1995	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
167	S1-167	Nguyễn Viết Được	Nam	13/03/1990	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
168	S1-168	Trần Hồng Dương	Nam	11/12/2006	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
169	S1-169	Trần Thị Thuý Dương	Nam	01/01/1984	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
170	S1-170	Nguyễn Thành Dương	Nam	16/10/1996	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
171	S1-171	Trần Đông Dương	Nam	14/04/1980	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
172	S1-172	Nguyễn Đại Dương	Nam	07/03/1999	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
173	S1-173	Nguyễn Minh Dương	Nam	18/08/1989	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
174	S1-174	Nguyễn Quang Dương	Nam	12/07/1995	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
175	S1-175	Nguyễn Thị Hải Dương	Nam	29/07/1992	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
176	S1-176	Nguyễn Thị Thuý Dương	Nam	15/02/2002	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
177	S1-177	Nguyễn Văn Dương	Nam	10/09/1991	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
178	S1-178	Phạm Quốc Dương	Nam	21/06/1975	100	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
179	S1-179	Phạm Văn Dương	Nam	02/05/1993	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
180	S1-180	Bùi Đức Duy	Nam	10/09/1995	100	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
181	S1-181	Đình Văn Duy	Nam	14/09/1991	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
182	S1-182	Nguyễn Văn Duy	Nam	13/05/1993	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
183	S1-183	Nguyễn Văn Duy	Nam	08/06/1988	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
184	S1-184	Phạm Ngọc Duy	Nam	21/07/1993	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
185	S1-185	Lê Văn Duy	Nam	25/07/1992	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
186	S1-186	Phạm Văn Duy	Nam	05/03/1996	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
187	S1-187	Trần Đức Duy	Nam	17/02/1989	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
188	S1-188	Phạm Minh Duy	Nam	12/10/1984	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
189	S1-189	Nguyễn Thị Duyên	Nam	11/08/1997	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
190	S1-190	Nguyễn Thị Duyên	Nam	21/10/1991	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
191	S1-191	Nguyễn Thị Duyên	Nam	19/09/1989	82,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
192	S1-192	Nông Thị Duyên	Nam	21/12/1995	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
193	S1-193	Tuông Thị Duyên	Nam	18/03/1981	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
194	S1-194	Mông Ngọc Duyên	Nam	21/08/2007	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
195	S1-195	Bùi Ninh Giang	Nữ	06/02/1984	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
196	S1-196	Ngô Trọng Giang	Nam	16/11/1973	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
197	S1-197	Nguyễn Hương Giang	Nữ	08/05/1979	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
198	S1-198	Nguyễn Thị Giang	Nữ	12/06/1988	86,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
199	S1-199	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	02/08/1984	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
200	S1-200	Nguyễn Trường Giang	Nam	17/2/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
201	S1-201	Nhữ Hà Giang	Nữ	28/03/2006	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
202	S1-202	Trần Thùy Giang	Nữ	20/09/1993	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
203	S1-203	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Nữ	03/03/1999	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
204	S1-204	Đỗ Trường Giang	Nam	05/10/2003	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
205	S1-205	Nguyễn Thị Giang	Nữ	26/09/1989	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
206	S1-206	Chu Ngọc Giao	Nam	27/12/1986	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
207	S1-207	Tăng Minh Giao	Nam	01/05/1993	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
208	S1-208	Đỗ Hữu Giáp	Nam	22/01/2004	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
209	S1-209	Nguyễn Văn Giáp	Nam	24/12/1986	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
210	S1-210	Nguyễn Viết Giáp	Nam	23/02/1990	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
211	S1-211	Đoàn Thị Thu Hà	Nam	19/06/1978	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
212	S1-212	Đỗ Thị Khánh Hà	Nam	03/05/1996	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
213	S1-213	Hoàng Thu Hà	Nam	22/11/1999	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
214	S1-214	Lê Thị Ngọc Hà	Nữ	12/07/1993	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
215	S1-215	Mai Thị Ngọc Hà	Nữ	28/10/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
216	S1-216	Nguyễn Huy Hà	Nam	10/06/1987	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
217	S1-217	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	15/04/1973	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
218	S1-218	Nguyễn Thị Hà	Nữ	11/01/1976	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
219	S1-219	Nguyễn Thị Thu Hà	Nam	24/02/1991	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
220	S1-220	Trần Thúy Hà	Nam	02/11/1977	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
221	S1-221	Vũ Thị Hà	Nữ	02/04/1990	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
222	S1-222	Vũ Thu Hà	Nam	02/09/1995	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
223	S1-223	Nguyễn Văn Hà	Nam	17/05/1974	82,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
224	S1-224	Trần Thị Thu Hà	Nữ	26/07/1992	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
225	S1-225	Trần Thu Hà	Nữ	10/05/1984	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
226	S1-226	Dương Thị Hà	Nữ	05/07/1994	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
227	S1-227	Bùi Thị Thu Hà	Nữ	26/11/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
228	S1-228	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	05/02/1988	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
229	S1-229	Đỗ Thái Hà	Nữ	22/10/1986	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
230	S1-230	Đỗ Thị Hà	Nữ	29/07/1989	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
231	S1-231	Lại Đức Hải	Nam	28/09/1992	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
232	S1-232	Mai Trọng Hải	Nam	29/01/1982	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
233	S1-233	Ngô Văn Hải	Nam	14/11/1982	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
234	S1-234	Nguyễn Hồng Hải	Nam	21/06/1997	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
235	S1-235	Nguyễn Quang Hải	Nam	01/01/1987	85,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
236	S1-236	Nguyễn Thị Hải	Nữ	02/07/1991	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
237	S1-237	Trần Đình Hải	Nam	15/10/1994	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
238	S1-238	Trần Quang Hải	Nam	04/06/1984	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
239	S1-239	Lê Thị Bích Hải	Nữ	13/07/1982	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
240	S1-240	Nguyễn Văn Hải	Nam	20/10/1968	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
241	S1-241	Trịnh Thị Hải	Nữ	10/08/1992	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
242	S1-242	Đinh Việt Hải	Nam	07/10/2001	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
243	S1-243	Trần Văn Hải	Nam	25/02/1988	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
244	S1-244	Nguyễn Ngọc Hân	Nam	20/08/1978	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
245	S1-245	Nguyễn Ngọc Hân	Nam	15/10/1988	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
246	S1-246	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	20/06/1986	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
247	S1-247	Phạm Thúy Hằng	Nam	12/06/1997	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
248	S1-248	Trần Thị Hằng	Nữ	13/06/1983	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
249	S1-249	Bùi Thị Hằng	Nữ	18/08/1997	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
250	S1-250	Đinh Thuý Hằng	Nam	25/06/2000	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
251	S1-251	Hoàng Thị Hằng	Nữ	29/11/1981	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
252	S1-252	Hoàng Thị Thuý Hằng	Nữ	01/01/2000	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
253	S1-253	Khuất Thị Thu Hằng	Nữ	03/07/1984	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
254	S1-254	Nguyễn Thanh Hằng	Nam	03/10/1992	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
255	S1-255	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	06/08/1996	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
256	S1-256	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	2/19/1987	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
257	S1-257	Nguyễn Thuý Hằng	Nữ	19/07/1995	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
258	S1-258	Hà Thị Thu Hằng	Nữ	04/06/1979	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
259	S1-259	Lê Thị Hằng	Nữ	14/07/1980	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
260	S1-260	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/10/1984	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
261	S1-261	Bùi Thị Thu Hằng	Nam	10/09/1984	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
262	S1-262	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/04/1991	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
263	S1-263	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	09/07/2025	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
264	S1-264	Nguyễn Thị Hanh	Nữ	28/06/1988	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
265	S1-265	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	18/05/1988	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
266	S1-266	Bùi Đức Hạnh	Nam	12/09/1989	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
267	S1-267	Lê Hồng Hạnh	Nữ	08/03/1991	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
268	S1-268	Nguyễn Hồng Hạnh	Nam	03/02/2007	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
269	S1-269	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	12/05/1984	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
270	S1-270	Phạm Thị Hạnh	Nữ	20/03/2002	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
271	S1-271	Phạm Thị Hạnh	Nữ	10/10/1978	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
272	S1-272	Hoàng Thị Bích Hạnh	Nữ	14/05/1979	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
273	S1-273	Lưu Văn Hào	Nam	06/07/1986	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
274	S1-274	Đỗ Thị Hào	Nữ	20/07/1996	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
275	S1-275	CHu Thị Hào	Nữ	16/02/1990	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
276	S1-276	Trịnh Thị Hào	Nữ	30/01/1987	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
277	S1-277	Lại Thị Hồng Hát	Nữ	15/01/1994	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
278	S1-278	Đặng Văn Hậu	Nam	05/08/1981	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
279	S1-279	Trần Thị Hậu	Nữ	24/02/1983	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
280	S1-280	Đào Công Hậu	Nam	21/08/1992	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
281	S1-281	Nguyễn Thị Hay	Nữ	25/03/2002	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
282	S1-282	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	21/12/1992	98,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
283	S1-283	Nguyễn Văn Hiến	Nam	29/06/1993	100	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
284	S1-284	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	12/02/1993	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
285	S1-285	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	08/04/1995	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
286	S1-286	Cao Thị Minh Hiền	Nữ	27/07/1989	98,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
287	S1-287	Dương Thị Thu Hiền	Nữ	21/03/1975	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
288	S1-288	Dương Thu Hiền	Nam	23/10/1989	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
289	S1-289	Lê Thị Hiền	Nữ	27/10/1984	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
290	S1-290	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	01/01/1990	97,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
291	S1-291	Phạm Thị Hiền	Nữ	28/03/1991	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
292	S1-292	Trần Thị Thương Hiền	Nữ	01/01/1997	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
293	S1-293	Trịnh Thị Hiền	Nữ	30/10/1994	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
294	S1-294	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	02/12/1993	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
295	S1-295	Nguyễn Minh Hiền	Nữ	10/05/1980	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
296	S1-296	Nguyễn Văn Hiền	Nam	04/02/1993	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
297	S1-297	Lý Sinh Hiện	Nam	10/7/1986	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
298	S1-298	Vi Hào Hiệp	Nam	12/02/1998	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
299	S1-299	Phùng Sỹ Hiệp	Nam	27/09/1982	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
300	S1-300	Phạm Trung Hiếu	Nam	18/07/1976	100	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
301	S1-301	Phùng Bích Hiếu	Nam	23/6/1979	83,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
302	S1-302	Trần Minh Hiếu	Nam	20/05/1996	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
303	S1-303	Phạm Công Hiếu	Nam	22/09/1996	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
304	S1-304	Giáp Thị Phương Hoa	Nữ	19/03/1968	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
305	S1-305	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	04/08/1991	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
306	S1-306	Phạm Thị Hoa	Nữ	30/09/1984	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
307	S1-307	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ	14/08/1998	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
308	S1-308	Thái Thị Hoa	Nữ	12/06/1988	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
309	S1-309	Dương Thị Hoa	Nữ	17/02/1983	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
310	S1-310	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	12/11/1990	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
311	S1-311	Phạm Thị Hoa	Nữ	18/08/1996	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
312	S1-312	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10/01/1995	97,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
313	S1-313	Hoàng Thị Hoa	Nữ	01/01/1997	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
314	S1-314	Hoàng Thị Hoa	Nữ	26/03/1992	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
315	S1-315	Nguyễn Xuân Hoà	Nam	01/05/1988	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
316	S1-316	Nguyễn An Hoà	Nam	20/01/1982	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
317	S1-317	Nguyễn Văn Hoà	Nam	18/02/1998	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
318	S1-318	Phạm Thị Phương Hoà	Nữ	15/01/1995	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
319	S1-319	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	01/02/1997	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
320	S1-320	Nguyễn Xuân Hòa	Nam	01/05/1988	90,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
321	S1-321	Đào Quang Hòa	Nam	05/12/1985	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
322	S1-322	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	01/03/2000	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
323	S1-323	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	20/07/1991	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
324	S1-324	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	22/09/1984	100	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
325	S1-325	Trần Thị Hoài	Nữ	29/04/1988	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
326	S1-326	Nguyễn Công Hoan	Nam	15/08/1982	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
327	S1-327	Nguyễn Thị Thái Hoàn	Nữ	23/05/1971	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
328	S1-328	Trịnh Thị Bích Hoàn	Nữ	04/01/1989	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
329	S1-329	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	29/07/1991	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
330	S1-330	Nguyễn Mạnh Hoàng	Nam	24/10/1990	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
331	S1-331	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	25/10/2002	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
332	S1-332	Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	01/10/1982	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
333	S1-333	Trần Khải Hoàng	Nam	24/11/1995	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
334	S1-334	Trần Tôn Hoàng	Nam	01/01/1985	98,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
335	S1-335	Trần Việt Hoàng	Nam	24/01/2003	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
336	S1-336	Nguyễn Thái Hoàng	Nam	01/05/1987	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
337	S1-337	Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	20/04/1975	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
338	S1-338	Lê Thị Hoàng	Nữ	02/08/1982	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
339	S1-339	Phạm Văn Hoat	Nam	16/02/1976	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
340	S1-340	Vũ Thị Hòì	Nam	03/02/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
341	S1-341	Uông Thị Hợì	Nữ	07/11/1983	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
342	S1-342	Lê Văn Hồng	Nam	15/04/1992	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
343	S1-343	Ngô Thị Hồng	Nữ	28/10/1997	97,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
344	S1-344	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	30/11/1990	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
345	S1-345	Trần Thị Hồng	Nữ	02/07/1990	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
346	S1-346	Vũ Tuấn Hồng	Nam	12/30/1980	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
347	S1-347	Vì Thị Bích Hồng	Nữ	02/10/1993	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
348	S1-348	Phạm Thúy Hồng	Nữ	22/08/1990	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
349	S1-349	Lê Thị Hồng	Nữ	16/10/2000	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
350	S1-350	Nguyễn Văn Huân	Nam	18/06/1993	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
351	S1-351	Trần Đình Huân	Nam	01/01/1961	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
352	S1-352	Nguyễn Thanh Huế	Nữ	01/08/2003	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
353	S1-353	Vũ Thị Huệ	Nữ	23/03/1990	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
354	S1-354	Hoàng Thị Thu Huệ	Nữ	21/01/1996	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
355	S1-355	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	15/01/2002	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
356	S1-356	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	19/04/1994	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
357	S1-357	Phạm Thị Ánh Huệ	Nữ	02/07/1990	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
358	S1-358	Đặng Xuân Hùng	Nam	01/03/1989	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
359	S1-359	Nguyễn Đoàn Hùng	Nam	10/12/1972	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
360	S1-360	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	12/04/1985	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
361	S1-361	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	18/05/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
362	S1-363	Nguyễn Tiến Hùng	Nam	12/07/1980	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
363	S1-364	Đoàn Mạnh Hùng	Nam	18/06/2001	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
364	S1-365	Nguyễn Văn Hùng	Nam	27/11/1987	98,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
365	S1-366	Cao Thế Hưng	Nam	15/06/1989	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
366	S1-367	Đoàn Thanh Hưng	Nam	28/04/1985	96,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
367	S1-368	Hoàng Quốc Hưng	Nam	24/08/1987	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
368	S1-369	Lâm Quang Hưng	Nam	30/06/1993	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
369	S1-370	Nguyễn Văn Hưng	Nam	12/06/1987	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
370	S1-371	Trịnh Văn Hưng	Nam	21/12/1981	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
371	S1-372	Nguyễn Đức Hưng	Nam	27/09/1976	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
372	S1-373	Trịnh Văn Hưng	Nam	15/12/1989	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
373	S1-374	Nguyễn Hồng Hưng	Nam	02/07/1992	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
374	S1-375	Cao Tuấn Hưng	Nam	13/10/2003	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
375	S1-376	Vũ Mạnh Hưng	Nam	14/11/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
376	S1-377	Dương Thanh Hương	Nam	20/01/1995	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
377	S1-378	Đặng Thị Hương	Nữ	29/06/1990	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
378	S1-379	Đinh Thị Hương	Nữ	27/11/1981	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
379	S1-380	Đinh Thị Hương	Nữ	06/05/1995	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
380	S1-381	Đỗ Thị Hương	Nữ	04/01/1986	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
381	S1-382	Hà Thị Mai Hương	Nữ	16/07/1992	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
382	S1-383	Hoàng Xuân Hương	Nam	02/08/1982	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
383	S1-384	Lê Thị Hương	Nữ	04/11/1994	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
384	S1-385	Lê Thị Thu Hương	Nữ	29/08/1982	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
385	S1-386	Mai Thị Hương	Nữ	25/07/1985	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
386	S1-387	Nghiêm Thị Thu Hương	Nữ	27/03/2000	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
387	S1-388	Nguyễn Thị Hương	Nữ	28/01/1990	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
388	S1-389	Nguyễn Thị Hương	Nữ	16/12/1993	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
389	S1-390	Nguyễn Thị Hương	Nữ	23/02/1985	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
390	S1-391	Nguyễn Thị Hương	Nữ	02/04/1996	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
391	S1-392	Nguyễn Thị Hương	Nữ	30/11/1981	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
392	S1-393	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	29/02/1980	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
393	S1-394	Phạm Thị Hương	Nữ	07/08/1981	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
394	S1-395	Phạm Thị Hương	Nữ	07/10/1984	100	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
395	S1-396	Phạm Thị Diệu Hương	Nữ	30/05/1987	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
396	S1-397	Tôn Thị Hương	Nữ	25/03/1995	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
397	S1-398	Trần Thị Thanh Hương	Nữ	20/10/1985	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
398	S1-399	Nguyễn Thị Hương	Nữ	24/12/1989	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
399	S1-400	Nguyễn Thu Hương	Nữ	22/01/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
400	S1-401	Triệu Thị Hương	Nữ	18/05/1993	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
401	S1-402	Vũ Thị Hương	Nữ	05/10/1990	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
402	S1-403	Phan Thị Thanh Hương	Nữ	15/07/1987	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
403	S1-404	Triệu Thị Hương	Nữ	16/04/1987	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
404	S1-405	Nguyễn Thanh Hương	Nam	28/07/1986	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
405	S1-406	Bùi Thị Hương	Nữ	10/10/1981	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
406	S1-407	Ngô Thị Thu Hương	Nữ	11/03/1995	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
407	S1-408	Trịnh Thị Hương	Nữ	18/01/1991	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
408	S1-409	Trương Thị Thu Hương	Nữ	24/10/1983	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
409	S1-410	Phạm Thị Hương	Nữ	10/11/1993	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
410	S1-411	Cao Thị Hương	Nữ	02/05/1993	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
411	S1-412	Nguyễn Thị Hương	Nữ	16/12/1993	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
412	S1-413	Dư Thị Thu Hương	Nữ	16/09/1994	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
413	S1-414	Trần Thị Mai Hương	Nữ	19/10/1999	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
414	S1-415	Chữ Thị Thu Hương	Nữ	25/07/1997	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
415	S1-416	Trần Văn Hường	Nam	24/03/1994	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
416	S1-417	Bùi Thị Thúy Hường	Nữ	15/02/1990	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
417	S1-418	Hoàng Thu Hường	Nữ	26/12/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
418	S1-419	Lê Thị Hường	Nữ	06/02/1989	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
419	S1-420	Lê Thúy Hường	Nữ	04/12/1996	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
420	S1-362	Hoàng Tuấn Hùng	Nam	12/12/2004	97,5	Đạt	87,5	Đạt	Đạt	
421	S1-421	Nguyễn Thị Hường	Nữ	13/05/1987	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
422	S1-422	Nguyễn Thị Hường	Nữ	14/08/1983	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
423	S1-423	Nguyễn Thị Hường	Nữ	25/02/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
424	S1-424	Nguyễn Thị Hường	Nữ	16/04/1991	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
425	S1-425	Nguyễn Thị Hường	Nữ	20/08/1983	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
426	S1-426	Trịnh Thị Thu Hường	Nữ	03/08/2002	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
427	S1-427	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	25/06/1980	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
428	S1-428	Đỗ Thị Thu Hường	Nữ	20/05/1988	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
429	S1-429	Trần Thị Thanh Hường	Nữ	25/08/1991	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
430	S1-430	Ngô Thị Hường	Nữ	28/07/1984	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
431	S1-431	Nguyễn Văn Huy	Nam	14/03/1992	68,75	Không đạt	78,25	Đạt	Không đạt	
432	S1-432	Tạ Quang Huy	Nam	11/07/1999	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
433	S1-433	Trần Kim Huy	Nam	08/12/2002	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
434	S1-434	Trần Nhật Từ Huy	Nam	23/03/2003	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
435	S1-435	Đào Trọng Huy	Nam	08/11/2000	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
436	S1-436	Vũ Thị Minh Huyền	Nữ	12/11/1998	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
437	S1-437	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ	12/06/1994	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
438	S1-438	Ngô Thị Huyền	Nữ	04/03/1991	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
439	S1-439	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	01/07/1992	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
440	S1-440	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	25/09/1986	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
441	S1-441	Nông Thanh Huyền	Nữ	28/09/1997	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
442	S1-442	Phạm Thị Huyền	Nữ	16/10/2000	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
443	S1-443	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	07/09/1982	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
444	S1-444	Trần Thương Huyền	Nam	27/02/1994	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
445	S1-445	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	08/12/1984	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
446	S1-446	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	05/03/1998	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
447	S1-447	Lê Thanh Huyền	Nam	18/10/1990	100	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
448	S1-448	Bùi Thị Huyền	Nữ	08/10/1991	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
449	S1-449	Bùi Thị Huyền	Nữ	23/11/1999	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
450	S1-450	Đào Khánh Huyền	Nam	03/10/2004	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
451	S1-451	Đặng Thị Vân Huyền	Nữ	19/08/1989	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
452	S1-452	Hoàng Thị Huyền	Nữ	26/09/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
453	S1-453	Phạm Văn Kết	Nam	16/01/1992	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
454	S1-454	Trần Thị Kết	Nữ	28/11/1983	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
455	S1-455	Nguyễn Thị Kết	Nữ	28/01/1984	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
456	S1-456	Nguyễn Văn Khanh	Nam	18/03/1988	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
457	S1-457	Lưu Quang Khanh	Nam	03/07/1973	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
458	S1-458	Đào Bảo Khánh	Nam	15/08/1994	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
459	S1-459	Đỗ Duy Khánh	Nam	28/06/1990	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
460	S1-460	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	14/01/2003	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
461	S1-461	Phạm Nam Khánh	Nam	07/12/1993	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
462	S1-462	Trịnh Ngọc Khánh	Nữ	29/12/1990	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
463	S1-463	Mạc Tư Khoa	Nam	26/08/1988	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
464	S1-464	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	18/07/1998	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
465	S1-465	Trương Thị Khoa	Nữ	26/09/1989	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
466	S1-466	Phạm Văn Khởi	Nam	10/10/1989	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
467	S1-467	Trần Quốc Khởi	Nam	18/03/1991	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
468	S1-468	Nông Văn Khương	Nam	26/05/1988	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
469	S1-469	Nguyễn Xuân Kiệm	Nam	10/08/1990	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
470	S1-470	Lê Trung Kiên	Nam	13/08/1990	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
471	S1-471	La Vinh Kiên	Nam	05/12/1983	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
472	S1-472	Phạm Trung Kiên	Nam	07/12/1981	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
473	S1-473	Tạ Thị Kiều	Nữ	26/11/1990	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
474	S1-474	Nguyễn Thị Vân Kiều	Nữ	13/05/1978	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
475	S1-475	Vũ Thị Kim	Nữ	24/05/1989	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
476	S1-476	Nguyễn Hồng Kỳ	Nam	14/03/1986	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
477	S1-477	Hoàng Thị Lạc	Nữ	04/01/1983	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
478	S1-478	Tổng Văn Lai	Nam	19/02/1991	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
479	S1-479	Đồng Văn Lâm	Nam	28/01/1978	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
480	S1-480	Hoàng Thanh Lâm	Nam	14/04/2000	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
481	S1-481	Phạm Tiến Lâm	Nam	09/01/1986	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
482	S1-482	Trần Tùng Lâm	Nam	20/10/1997	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
483	S1-483	Vương Bảo Lâm	Nam	30/03/1993	100	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
484	S1-484	Trương Quang Lâm	Nam	01/05/1996	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
485	S1-485	Nguyễn Đình Lâm	Nam	10/02/1994	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
486	S1-486	Đàm Thanh Lãm	Nam	15/09/1993	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
487	S1-487	Bùi Thị Phương Lan	Nữ	07/12/1977	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
488	S1-488	Triệu Thị Lan	Nam	03/11/1984	87,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
489	S1-489	Nông Tuyết Lan	Nữ	03/12/1988	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
490	S1-490	Nguyễn Hoàng Lân	Nam	24/01/1981	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
491	S1-491	Nguyễn Ngọc Lân	Nam	21/10/1972	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
492	S1-492	Nguyễn Thị Lành	Nữ	10/10/1987	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
493	S1-493	Quách Thị Lê	Nữ	27/02/1991	93,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
494	S1-494	Hoàng Nhật Lệ	Nam	23/01/1994	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
495	S1-495	Phạm Thị Nhật Lệ	Nữ	23/09/1993	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
496	S1-496	Phan Thanh Liêm	Nam	18/05/1972	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
497	S1-497	Đồng Thị Phương Liên	Nữ	13/02/1983	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
498	S1-498	Hà Thị Kim Liên	Nữ	19/08/1986	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
499	S1-499	Lã Thị Ngọc Liên	Nữ	23/04/1984	95,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
500	S1-500	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	12/01/1973	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
501	S1-501	Nguyễn Thị Quỳnh Liên	Nam	26/07/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
502	S1-502	Lương Thị Liên	Nữ	29/06/1989	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
503	S1-503	Nguyễn Thị Lim	Nam	05/03/1989	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
504	S1-504	Dương Thuý Linh	Nữ	30/08/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
505	S1-505	Đặng Thùy Linh	Nữ	05/08/1993	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
506	S1-506	Đinh Phương Linh	Nữ	13/09/1995	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
507	S1-507	Đinh Thị Khánh Linh	Nữ	03/11/1993	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
508	S1-508	Hà Thuý Linh	Nữ	19/08/2000	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
509	S1-509	Hoàng Khánh Linh	Nữ	29/03/1988	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
510	S1-510	Đoàn Văn Linh	Nam	13/06/1978	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
511	S1-511	Hoàng Văn Linh	Nam	11/03/1995	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
512	S1-512	Lê Ngọc Linh	Nam	15/11/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
513	S1-513	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	28/04/1999	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
514	S1-514	Vũ Sứ Khánh Linh	Nam	25/02/2005	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
515	S1-515	Vũ Thuý Linh	Nữ	06/07/2001	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	
516	S1-516	Nguyễn Thuý Linh	Nữ	22/03/1992	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
517	S1-517	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	23/08/1992	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
518	S1-518	Nông Diệu Linh	Nữ	12/12/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
519	S1-519	Tạ Thùy Linh	Nữ	23/08/1991	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
520	S1-520	Trần Công Hà Linh	Nữ	16/07/2005	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
521	S1-521	Vũ Thị Lung Linh	Nữ	27/06/1984	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
522	S1-522	Vương Tuấn Linh	Nam	22/08/2007	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
523	S1-523	Nguyễn Thuý Linh	Nữ	25/09/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
524	S1-524	Đỗ Thùy Linh	Nam	15/07/1998	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
525	S1-525	Dương Tuấn Linh	Nam	26/06/1991	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
526	S1-526	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	12/11/1997	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
527	S1-527	Lã Ngọc Tú Linh	Nam	01/06/2006	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
528	S1-528	Giàng Linh	Nam	22/08/1995	73,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
529	S1-529	Hoàng Thị Ngọc Linh	Nam	26/12/2004	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
530	S1-530	Đặng Thị Mỹ Linh	Nữ	12/11/2002	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
531	S1-531	Vũ Khánh Linh	Nữ	06/05/1999	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
532	S1-532	Lưu Nhật Linh	Nữ	12/10/2003	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
533	S1-533	Hán Mạnh Linh	Nam	12/08/1983	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
534	S1-534	Ngô Thị Thanh Loan	Nữ	25/09/1992	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
535	S1-535	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	02/06/1993	95,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
536	S1-536	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	20/05/1996	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
537	S1-537	Trần Thị Phương Loan	Nữ	03/05/1983	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
538	S1-538	Đỗ Thành Lộc	Nam	12/11/2006	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
539	S1-539	Hà Thị Lợi	Nữ	09/08/1970	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
540	S1-540	Nguyễn Tiến Lợi	Nam	04/03/1991	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
541	S1-541	Bùi Đức Long	Nam	02/10/1993	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
542	S1-542	Cao Hoàng Long	Nam	22/08/1991	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
543	S1-543	Dương Văn Long	Nam	22/06/1990	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
544	S1-544	Đỗ Văn Long	Nam	04/01/1993	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
545	S1-545	Hoàng Phi Long	Nam	30/06/1995	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
546	S1-546	Lê Bá Long	Nam	07/10/1989	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
547	S1-547	Ngô Thành Long	Nam	12/05/1984	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
548	S1-548	Nguyễn Ngọc Long	Nam	07/03/1984	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
549	S1-549	Phạm Văn Long	Nam	3/20/1974	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
550	S1-550	Trịnh Phi Long	Nam	25/04/1991	88,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
551	S1-551	Vũ Hải Long	Nam	22/10/1995	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
552	S1-552	Vũ Hoàng Long	Nam	21/05/2000	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
553	S1-553	Vũ Văn Long	Nam	08/01/2003	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
554	S1-554	Nguyễn Văn Long	Nam	02/10/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
555	S1-555	Hồ Thăng Long	Nam	19/03/1982	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
556	S1-556	Đỗ Thành Long	Nam	21/06/1988	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
557	S1-557	Hoàng Công Luân	Nam	23/02/1987	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
558	S1-558	Nguyễn Thế Luân	Nam	28/05/1986	81,25	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
559	S1-559	Trần Văn Luận	Nam	07/07/1985	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
560	S1-560	Nguyễn Thế Lực	Nam	24/08/1992	92,50	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
561	S1-561	Trần Thị Lương	Nam	13/10/1987	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
562	S1-562	Vũ Thị Lương	Nữ	21/01/1990	93,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
563	S1-563	Trần Tuấn Lương	Nam	16/12/2002	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
564	S1-564	Đặng Ngọc Lượng	Nam	12/12/1988	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
565	S1-565	Nguyễn Tiến Lượ	Nam	20/11/1957	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
566	S1-566	Nguyễn Văn Luyện	Nam	13/03/1976	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
567	S1-567	Đồng Thị Gien Ly	Nữ	11/03/1992	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
568	S1-568	Lương Thảo Ly	Nam	12/12/1996	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
569	S1-569	Trần Thị Lý	Nữ	29/9/1989	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
570	S1-570	Trần Thị Lý	Nữ	05/07/1986	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
571	S1-571	Đỗ Thị Lý	Nữ	11/06/1976	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
572	S1-572	Nguyễn Thị Mai	Nữ	28/12/1992	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
573	S1-573	Nguyễn Thị Mai	Nữ	08/02/1989	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
574	S1-574	Hứa Thị Mai	Nữ	21/03/1994	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
575	S1-575	Lê Thị Thanh Mai	Nữ	10/11/2000	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
576	S1-576	Lê Thị Thanh Mai	Nữ	13/02/1995	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
577	S1-577	Nguyễn Thị Mai	Nam	01/04/1985	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
578	S1-578	Trần Phương Mai	Nam	17/05/1984	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
579	S1-579	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	28/01/1978	100	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
580	S1-580	Lê Thị Tuyết Mai	Nam	11/02/1982	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
581	S1-581	Lê Thị Tuyết Mai	nữ	11/02/1982	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
582	S1-582	Bạch Thị Mận	Nữ	16/5/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
583	S1-583	Bùi Văn Mạnh	Nam	23/04/1983	83,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
584	S1-584	Đinh Văn Mạnh	Nam	22/12/1996	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
585	S1-585	Hoàng Hồng Mạnh	Nam	18/06/1980	85,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
586	S1-586	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	02/03/1996	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
587	S1-587	Vũ Đức Mạnh	Nam	07/06/1990	98,75	Đạt	86,50	Đạt	Đạt	
588	S1-588	Nguyễn Hữu Mạnh	Nam	28/09/1992	95,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
589	S1-589	Vũ Tiến Mạnh	Nam	07/08/1991	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
590	S1-590	Trương Đức Mạnh	Nam	04/10/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
591	S1-591	Vũ Đức Mạnh	Nam	07/06/1990	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
592	S1-592	Phạm Thị Máy	Nữ	25/02/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
593	S1-593	Bùi Thị Mến	nữ	16/12/1984	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
594	S1-594	Hoàng Văn Minh	Nam	06/10/1992	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
595	S1-595	Lê Văn Minh	Nam	02/08/1983	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
596	S1-596	Nguyễn Đắc Minh	Nam	23/10/1990	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
597	S1-597	Nguyễn Hữu Minh	Nam	05/11/1980	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
598	S1-598	Nguyễn Thị Minh	Nữ	25/04/1978	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
599	S1-599	Nguyễn Tuấn Minh	Nam	01/07/1996	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
600	S1-600	Phạm Thị Minh	Nữ	20/09/1987	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
601	S1-601	Phạm Thị Ngọc Minh	Nữ	31/05/2005	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
602	S1-602	Trần Bình Minh	Nam	03/07/1979	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
603	S1-603	Vũ Đức Minh	Nam	28/10/1998	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
604	S1-604	Nguyễn Thị Mơ	Nam	12/08/1989	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
605	S1-605	Trần Thị Hồng Mơ	Nữ	18/06/1990	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
606	S1-606	Ngô Thị Hà My	Nữ	18/03/2002	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
607	S1-607	Lê Thị My	Nữ	04/08/1988	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
608	S1-608	Đỗ Văn Nam	Nam	15/12/1992	78,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
609	S1-609	Hoàng Nam	Nam	18/02/1985	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
610	S1-610	Nguyễn Văn Nam	Nam	20/05/1993	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
611	S1-611	Trần Xuân Nam	Nam	18/09/1987	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
612	S1-612	Nguyễn Đức Nam	Nam	12/02/2000	91,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
613	S1-613	Đồng Văn Nam	Nam	02/09/1990	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
614	S1-614	Đào Thanh Nam	Nam	18/01/1989	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
615	S1-615	Hoàng Anh Nam	Nam	15/06/1996	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
616	S1-616	Lê Thị Nga	Nữ	09/04/1990	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
617	S1-617	Lê Thị Ánh Nga	Nữ	14/05/1994	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
618	S1-618	Nguyễn Huyền Nga	Nữ	20/12/1990	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
619	S1-619	Nguyễn Thị Nga	Nữ	01/11/1985	86,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
620	S1-620	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	18/08/1982	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
621	S1-621	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	21/11/1991	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
622	S1-622	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	29/07/2000	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
623	S1-623	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	24/08/2000	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
624	S1-624	Trịnh Thị Nga	Nữ	20/03/1983	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
625	S1-625	Từ Thị Quỳnh Nga	Nữ	18/11/1983	100	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
626	S1-626	Phùng Gia Ngà	Nam	11/11/1989	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
627	S1-627	Lê Thị Thảo Ngân	Nữ	06/03/1988	100	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
628	S1-628	Phạm Thị Ngân	Nữ	25/02/2001	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
629	S1-629	Phạm Thị Ngân	Nữ	08/09/1987	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
630	S1-630	Trương Thị Ngân	Nữ	26/10/1986	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
631	S1-631	Vũ Thùy Ngân	Nữ	09/10/1985	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
632	S1-632	Bùi Thị Ngân	Nữ	25/07/1982	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
633	S1-633	Hoàng Trung Nghĩa	Nam	11/11/2000	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
634	S1-634	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	16/01/1994	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
635	S1-635	Nguyễn Trung Nghĩa	Nam	02/07/1976	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
636	S1-636	Vũ Trọng Nghĩa	Nam	03/04/2002	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
637	S1-637	Nguyễn Thị Nghiêm	Nữ	26/09/1993	98,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
638	S1-638	Phan Văn Nghiêm	Nam	09/02/1990	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
639	S1-639	Nguyễn Văn Nghiệp	Nam	10/09/2002	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
640	S1-640	Nguyễn Văn Nghiệp	Nam	11/09/1987	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
641	S1-641	Lê Thị Phương Ngoan	Nữ	31/10/1990	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
642	S1-642	Kiều Thị Bích Ngọc	Nữ	07/01/1988	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
643	S1-643	Đoàn Thị Bích Ngọc	Nữ	03/12/1999	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
644	S1-644	Hoàng Minh Ngọc	Nữ	20/10/2001	98,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
645	S1-645	Lê Hà Ngọc	Nữ	07/03/2006	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
646	S1-646	Nghiêm Thị Bích Ngọc	Nữ	06/09/1985	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
647	S1-647	Ngô Bích Ngọc	Nữ	29/03/1980	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
648	S1-648	Nguyễn Đức Ngọc	Nam	07/01/1982	93,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
649	S1-649	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	30/10/1968	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
650	S1-650	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	11/04/1986	91,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
651	S1-651	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	Nữ	28/09/1986	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
652	S1-652	Trần Thị Trang Bích Ngọc	Nữ	12/05/1986	86,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
653	S1-653	Vũ Thị Kim Ngọc	Nữ	23/09/1989	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
654	S1-654	Vũ Yên Khánh Ngọc	Nữ	02/01/1996	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
655	S1-655	Hoàng Thị Ánh Ngọc	Nữ	27/03/1997	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
656	S1-656	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	01/05/1981	82,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
657	S1-657	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	20/11/2002	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
658	S1-658	Phạm Thị Hồng Ngọc	Nữ	14/11/2007	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
659	S1-659	Lê Xuân Ngừng	Nam	21/03/1992	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
660	S1-660	Nguyễn Thị Nguyên	Nữ	16/07/1986	98,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
661	S1-662	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	26/01/1988	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
662	S1-663	Nông Bích Nguyệt	Nữ	24/09/1991	100	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
663	S1-664	Trần Thị Nguyệt	Nữ	16/06/1987	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
664	S1-665	Lục Thị Nhã	Nữ	03/07/1991	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
665	S1-666	Đào Thị Nhài	Nữ	14/08/1992	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
666	S1-667	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	29/07/1979	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
667	S1-668	Hoàng Văn Nhật	Nam	25/12/1994	91,25	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
668	S1-669	Trần Thị Nhi	Nữ	16/11/2002	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
669	S1-670	Dương Thị Nhu	Nữ	01/07/1991	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
670	S1-671	Vũ Bá Nhuận	Nam	24/05/1990	100	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
671	S1-672	Đào Thị Nhuận	Nữ	07/06/1990	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
672	S1-673	Đinh Hương Nhung	Nam	26/05/1981	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
673	S1-674	Lê Thị Thanh Nhung	Nữ	08/11/1987	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
674	S1-675	Lò Kim Nhung	Nữ	21/09/1996	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
675	S1-676	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	11/10/1998	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
676	S1-677	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	10/08/1992	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
677	S1-678	Hồ Thị Nhung	Nữ	27/10/1992	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
678	S1-679	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	23/02/1992	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
679	S1-680	Trần Thị Hải Ninh	Nữ	20/06/1994	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
680	S1-681	Khuong Thị Nụ	Nữ	03/12/1979	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
681	S1-682	Phạm Thị Nụ	Nữ	09/05/1993	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
682	S1-683	Trần Văn Oai	Nam	27/04/1991	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
683	S1-684	Nguyễn Kim Oanh	Nam	24/09/1999	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
684	S1-685	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	18/03/1992	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
685	S1-686	Trần Hồng Ngọc Oanh	Nữ	20/10/1993	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
686	S1-687	Đào Đông Phong	Nam	18/03/1993	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
687	S1-688	Hoàng Văn Phong	Nam	23/06/1989	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
688	S1-689	Lê Văn Phong	Nam	03/03/1988	97,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
689	S1-690	Nguyễn Phú Phong	Nam	14/07/1995	91,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
690	S1-691	Quách Văn Phong	Nam	07/11/1980	98,75	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
691	S1-692	Vũ Đình Phóng	Nam	13/03/1994	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
692	S1-693	Đặng Sỹ Phú	Nam	15/01/1991	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
693	S1-694	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	21/04/2003	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
694	S1-695	Trịnh Viết Phúc	Nam	06/11/1983	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
695	S1-696	Đặng Thái Phúc	Nam	07/08/2001	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
696	S1-697	Nguyễn Ngọc Phụng	Nam	23/07/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
697	S1-698	Chu Thị Phương	Nam	05/04/1989	92,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
698	S1-699	Đỗ Minh Phương	Nam	17/02/1984	96,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
699	S1-700	Hoàng Thị Phương	Nam	07/12/1992	92,50	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
700	S1-701	Lê Cúc Phương	Nam	16/08/1993	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
701	S1-702	Nguyễn Thành Phương	Nam	28/09/1986	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
702	S1-703	Nguyễn Thị Phương	Nữ	27/01/1994	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
703	S1-704	Nguyễn Thị Phương	Nữ	05/10/1983	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
704	S1-705	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	01/10/1987	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
705	S1-706	Bùi Thị Phương	Nữ	20/02/1994	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
706	S1-707	Phạm Thúy Phương	Nữ	06/07/1995	100	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
707	S1-708	Phùng Thị Phương	Nữ	22/06/1991	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
708	S1-709	Tô Mai Phương	Nữ	06/09/1971	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
709	S1-710	Vũ Thị Phương	Nữ	13/11/1991	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
710	S1-711	Nguyễn Cao Phương	Nam	27/11/1982	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
711	S1-712	Lê Thị Phương	Nữ	03/10/2003	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
712	S1-713	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10/12/1983	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
713	S1-714	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	09/05/1986	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
714	S1-715	Nguyễn Thị Phương	Nữ	06/01/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
715	S1-716	Trần Thị Phương	Nữ	15/01/1981	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
716	S1-717	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	04/01/1980	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
717	S1-718	Đinh Thị Phụng	Nữ	08/01/2001	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
718	S1-719	Hoàng Thị Phụng	Nữ	22/05/1972	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
719	S1-720	Lại Thị Phụng	Nữ	07/07/1988	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
720	S1-721	Ngô Thị Bích Phụng	Nữ	25/07/1988	100	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
721	S1-722	Nguyễn Thị Bích Phụng	Nữ	22/03/1993	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
722	S1-723	Phạm Thị Phụng	Nữ	14/01/1987	100	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
723	S1-724	Phạm Thị Phụng	Nữ	20/05/1990	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
724	S1-725	Vương Đắc Thị Phụng	Nữ	24/10/1994	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
725	S1-726	Nguyễn Thu Phụng	Nữ	21/03/1987	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
726	S1-728	Nguyễn Thị Bích Phụng	Nữ	01/05/1989	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
727	S1-729	Đỗ Như Phụng	Nam	06/06/1993	86,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
728	S1-730	Phùng Thị Phụng	Nam	30/01/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
729	S1-731	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	04/10/1980	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
730	S1-732	Hoàng Viết Anh Quân	Nam	24/01/2000	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
731	S1-733	Lê Tiến Quân	Nam	24/02/1985	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
732	S1-734	Hoàng Văn Quân	Nam	24/06/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
733	S1-735	Hà Huy Quận	Nam	22/02/1985	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
734	S1-736	Đặng Minh Quang	Nam	14/12/2000	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
735	S1-737	Đinh Xuân Quang	Nam	10/01/1995	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
736	S1-738	Đoàn Văn Quang	Nam	01/02/1984	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
737	S1-739	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	22/12/1994	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
738	S1-740	Trần Đình Quang	Nam	31/08/1985	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
739	S1-741	Trần Thế Quang	Nam	14/07/1991	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
740	S1-742	Vương Văn Quang	Nam	18/07/1984	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
741	S1-743	Nguyễn Văn Quang	Nam	20/06/1989	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
742	S1-744	Phạm Văn Quảng	Nam	08/11/1986	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
743	S1-745	Trần Duy Quý	Nam	02/03/1990	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
744	S1-746	Lương Văn Quý	Nam	02/10/1989	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
745	S1-747	Mai Thị Kim Quyên	Nữ	15/09/1994	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
746	S1-748	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	25/02/1981	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
747	S1-749	Mai Thị Kim Quyên	Nữ	07/03/1985	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
748	S1-750	Lê Đình Quyền	Nam	02/11/1990	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
749	S1-751	Nguyễn Văn Quyền	Nam	09/11/1989	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
750	S1-752	Phùng Văn Quyền	Nam	18/10/1981	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
751	S1-753	Trần Đức Quyền	Nam	21/02/1984	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
752	S1-754	Trần Quang Quyền	Nam	11/2/1994	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
753	S1-755	Hoàng Văn Quyết	Nam	05/09/1982	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
754	S1-756	Nguyễn Minh Huệ	Nữ	26/12/1989	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
755	S1-757	Đào Duy Quyết	Nam	4/6/1988	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
756	S1-758	Đào Xuân Quyết	Nam	13/08/1988	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
757	S1-759	Nguyễn Đình Quyết	Nam	07/04/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
758	S1-760	Đào Thị Như Quỳnh	Nữ	03/10/2001	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
759	S1-761	Đặng Thị Quỳnh	Nam	10-10-1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
760	S1-762	Lê Thị Hương Quỳnh	Nam	22/05/2001	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
761	S1-763	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	25/07/1997	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
762	S1-764	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Nữ	24/09/2000	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
763	S1-765	Nguyễn Thuý Quỳnh	Nữ	29/04/1987	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
764	S1-766	Phạm Như Quỳnh	Nữ	24/10/1995	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
765	S1-767	Phạm Văn Quỳnh	Nam	02/09/1987	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
766	S1-768	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	12/11/1992	86,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
767	S1-769	Đào Thị Quỳnh	Nữ	16/03/1986	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
768	S1-770	Đỗ Văn Rinh	Nam	24/03/1987	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
769	S1-771	Nguyễn Vũ Sâm	Nam	06/08/1976	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
770	S1-772	Lê Minh San	Nam	01/03/1995	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
771	S1-773	Trần Thị Sán	Nữ	20/07/1979	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
772	S1-774	Nguyễn Văn Sang	Nam	01/08/1991	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
773	S1-775	Dương Công Sáng	Nam	10/11/1989	100	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
774	S1-776	Nguyễn Thị Sen	Nữ	04/05/1994	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
775	S1-777	Nguyễn Trường Sinh	Nam	20/12/1982	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
776	S1-778	Dương Thị Sinh	Nữ	07/02/1989	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
777	S1-779	Đoàn Văn Sơn	Nam	29/07/1982	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
778	S1-780	Lương Tuấn Sơn	Nam	12/6/1994	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
779	S1-781	Nguyễn Cao Sơn	Nam	24/05/1981	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
780	S1-782	Nguyễn Văn Sơn	Nam	20/08/1989	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
781	S1-783	Nguyễn Văn Sơn	Nam	21/12/1994	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
782	S1-784	Nguyễn Xuân Sơn	Nam	12/02/1990	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
783	S1-785	Trương Hồng Sơn	Nam	02/03/1995	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
784	S1-786	Vũ Văn Sơn	Nam	26/09/1996	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
785	S1-787	Nguyễn Văn Sơn	Nam	25/09/1995	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
786	S1-788	Đặng Hải Sơn	Nam	30/01/1983	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
787	S1-789	Đặng Đức Tâm	Nam	10/11/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
788	S1-790	Ngô Văn Tâm	Nam	17/5/1998	91,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
789	S1-791	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	10/11/1991	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
790	S1-792	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	29/04/1968	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	
791	S1-793	Nguyễn Trí Tâm	Nam	24/04/1989	95	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
792	S1-794	Nguyễn Văn Thành Tâm	Nam	28/09/1990	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
793	S1-795	Phạm Thành Tâm	Nam	16/04/1987	93,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
794	S1-796	Vũ Minh Tâm	Nữ	05/06/2003	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
795	S1-797	Nguyễn Thị Tân	Nữ	17/07/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
796	S1-798	Phạm Ngọc Tân	Nam	16/04/1981	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
797	S1-799	Bùi Thành Thái	Nam	02/10/1992	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
798	S1-800	Vũ Văn Thái	Nam	17/02/1984	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
799	S1-801	Nguyễn Quang Thái	Nam	15/10/1996	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
800	S1-802	Đào Thị Ngọc Thắm	Nữ	16/02/1996	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
801	S1-803	Bùi Văn Thắng	Nam	15/02/1999	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
802	S1-804	Hồ Quang Thắng	Nam	03/02/1994	95,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
803	S1-805	Bùi Thị Phương Thanh	Nữ	08/01/1996	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
804	S1-806	Đoàn Thị Thanh	Nữ	19/08/1993	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
805	S1-807	Hà Ngọc Thanh	Nam	15/09/1978	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
806	S1-808	Nguyễn Hữu Thanh	Nam	04/10/1997	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
807	S1-809	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	29/7/1969	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
808	S1-810	Phạm Đức Thanh	Nam	17/12/1991	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
809	S1-811	Phùng Ngọc Thanh	Nam	08/10/1991	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
810	S1-812	Vũ Thị Thanh	Nữ	10/05/1993	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
811	S1-727	Trần Bích Phượng	Nữ	28/12/1991	95	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
812	S1-813	Nguyễn Văn Thanh	Nam	13/07/1995	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
813	S1-814	Nguyễn Văn Thánh	Nam	03/09/1985	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
814	S1-815	Lương Văn Thành	Nam	17/08/1992	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
815	S1-816	Nguyễn Mạnh Thành	Nam	06/04/1986	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
816	S1-817	Nguyễn Tiến Thành	Nam	06/06/1989	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
817	S1-818	Nguyễn Trung Thành	Nam	17/10/2002	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
818	S1-819	Nguyễn Văn Thành	Nam	16/12/1987	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
819	S1-820	Nguyễn Viết Thành	Nam	24/09/1983	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
820	S1-821	Bùi Duy Thành	Nam	06/04/1981	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
821	S1-822	Đào Tiến Thành	Nam	21/06/1984	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
822	S1-823	Lại Thế Thành	Nam	15/02/1991	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
823	S1-824	Nguyễn Việt Thành	Nam	11/01/1989	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
824	S1-825	Phạm Khắc Thành	Nam	16/11/1983	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
825	S1-826	Nguyễn Minh Thành	Nam	04/10/1994	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
826	S1-827	Nguyễn Văn Thành	Nam	28/09/2000	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
827	S1-828	Hoàng Ngọc Thao	Nữ	24/03/1983	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
828	S1-829	Vũ Thị Thảo	Nữ	23/02/1993	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
829	S1-830	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	22/04/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
830	S1-831	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	05/04/1989	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
831	S1-832	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	13/01/1998	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
832	S1-833	Lê Thị Thảo	Nữ	02/10/1991	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
833	S1-834	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	26/09/1992	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
834	S1-835	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	19/07/1995	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
835	S1-836	Nông Hương Thảo	Nữ	28/11/1981	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
836	S1-837	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Nữ	29/09/2000	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
837	S1-838	Trần Thu Thảo	Nữ	29/05/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
838	S1-839	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	12/07/1991	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
839	S1-840	Trịnh Phương Thảo	Nữ	01/12/1988	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
840	S1-841	Phạm Thị Thảo	Nữ	28/11/1992	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
841	S1-842	Vũ Đức Thảo	Nam	06/12/1992	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
842	S1-843	Nguyễn Văn Thêm	Nam	20/11/1985	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
843	S1-844	Bùi Đình Thiệu	Nam	15/08/1980	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
844	S1-845	Nguyễn Thị Thịnh	Nữ	27/07/1990	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
845	S1-846	Nguyễn Đức Thịnh	Nam	01/05/1993	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
846	S1-847	Nguyễn Thị Thơ	Nữ	18/11/1988	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
847	S1-848	Lê Thị Thơ	Nữ	26/08/1992	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
848	S1-849	Hoàng Văn Thọ	Nam	13/05/1992	96,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
849	S1-850	Lã Thị Minh Thoa	Nữ	23/05/1994	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
850	S1-851	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	12/03/1985	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
851	S1-852	Trần Thị Thoa	Nữ	06/05/1986	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
852	S1-853	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	21/07/2002	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
853	S1-854	Khiếu Thị Thơm	Nữ	15/01/1999	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
854	S1-855	Mai Thị Thơm	Nữ	06/03/1988	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
855	S1-856	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	17/03/1990	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
856	S1-857	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	21/09/1999	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
857	S1-858	Lê Thị Thơm	Nữ	10/02/1981	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
858	S1-859	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	07/06/1990	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
859	S1-860	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	14/08/1979	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
860	S1-861	Chu Thị Thu	Nữ	23/10/1987	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
861	S1-862	Đào Thị Thu	Nữ	20/05/1990	96,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
862	S1-863	Lê Thị Thiên Thu	Nữ	11/11/1985	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
863	S1-864	Nguyễn Hoài Thu	Nữ	24/09/1983	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
864	S1-865	Nguyễn Thị Thu	Nữ	05/10/1992	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
865	S1-866	Phạm Hà Thu	Nữ	26/10/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
866	S1-867	Phạm Thị Hồng Thu	Nữ	08/06/1994	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
867	S1-868	Trịnh Thị Nhuận Thu	Nữ	07/03/1992	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
868	S1-869	Trương Thị Thu	Nữ	06/05/4988	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
869	S1-870	Vũ Hoài Thu	Nữ	10/01/1996	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
870	S1-871	Vũ Thị Thu	Nam	27/07/1995	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
871	S1-872	Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	16/07/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
872	S1-873	Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	16/07/1989	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
873	S1-874	Hà Anh Thu	Nữ	10/09/2007	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
874	S1-875	Đặng Văn Thứ	Nam	18/09/1987	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
875	S1-876	Dương Đình Thuận	Nam	20/11/1991	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
876	S1-877	Hán Thị Thương	Nữ	21/08/1992	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
877	S1-878	Nguyễn Khoa Huyền Thương	Nữ	01/11/1990	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
878	S1-879	Nguyễn Văn Thường	Nam	12/10/1982	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
879	S1-880	Lương Thị Ngọc Thuý	Nữ	8/8/1978	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
880	S1-881	Hoàng Duy Thuý	Nam	16/09/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
881	S1-882	Phạm Thị Thuý	Nữ	17/10/1989	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
882	S1-883	Tạ Thị Thu Thuý	Nữ	04/07/1996	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
883	S1-884	Trần Thị Thanh Thuý	Nữ	21/07/1983	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
884	S1-885	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	08/11/1983	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
885	S1-886	Kiều Thị Thuý	Nữ	20/12/1970	85,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
886	S1-887	Nguyễn Thanh Thúy	Nữ	01/06/1984	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
887	S1-888	Đặng Thị Phương Thúy	Nữ	20/10/1986	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
888	S1-889	Nguyễn Xuân Thúy	Nam	08/05/1984	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
889	S1-890	Trần Thị Thúy	Nữ	24/08/1984	67,50	Không đạt	93,75	Đạt	Không đạt	
890	S1-891	Vũ Thị Thúy	Nữ	02/10/1989	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
891	S1-892	Trần Thị Thùy	Nữ	20/09/1992	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
892	S1-893	Đoàn Thị Thùy	Nữ	20/10/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
893	S1-894	Nguyễn Văn Thùy	Nam	25/10/1986	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
894	S1-895	Đặng Thị Thùy	Nữ	30/04/1986	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
895	S1-896	Đỗ Thị Trang Thủy	Nữ	16/08/1981	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
896	S1-897	Ngô Thị Thủy	Nữ	08/11/1988	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
897	S1-898	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	19/10/1993	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
898	S1-899	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	13/09/1997	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
899	S1-900	Phạm Thị Thủy	Nữ	13/03/1992	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
900	S1-901	Phạm Thị Thủy	Nữ	17/10/1989	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
901	S1-902	Vi Thanh Thủy	Nữ	12/06/1995	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
902	S1-903	Phạm Văn Thuyền	Nam	1/2/1988	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
903	S1-904	Phạm Minh Thy	Nữ	01/12/2007	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
904	S1-905	Nguyễn Vũ Thuý Tiên	Nữ	24/12/1992	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
905	S1-906	Dương Văn Tiến	Nam	31/12/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
906	S1-907	Lê Đức Tiến	Nam	07/06/1991	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
907	S1-908	Nguyễn Mạnh Tiến	Nam	13/03/1999	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
908	S1-909	Vũ Văn Tiến	Nam	29/08/1989	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
909	S1-910	Nguyễn Văn Tiệp	Nam	07/09/1989	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
910	S1-911	Phạm Văn Tiệp	Nam	20/08/1990	87,50	Đạt	88,50	Đạt	Đạt	
911	S1-912	Đinh Trọng Tín	Nam	07/02/1993	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
912	S1-913	Đặng Thị Tinh	Nữ	13/10/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
913	S1-914	Vũ Văn Tinh	Nam	04/11/1995	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
914	S1-915	Nguyễn Văn Toán	Nam	24/11/1992	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
915	S1-916	Nguyễn Văn Toàn	Nam	08/04/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
916	S1-917	Nguyễn Mạnh Toàn	Nam	02/06/1987	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
917	S1-918	Nguyễn Văn Toàn	Nam	16/07/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
918	S1-919	Nguyễn Văn Toàn	Nam	20/03/1985	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
919	S1-920	Phạm Văn Tôn	Nam	25/02/1983	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
920	S1-921	Hoàng Thị Trà	Nữ	17/10/2003	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
921	S1-922	Trần Văn Trà	Nam	02/06/1989	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
922	S1-923	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	08/08/1990	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
923	S1-924	Cao Thị Minh Trang	Nữ	02/11/1994	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
924	S1-925	Đào Thị Trang	Nữ	04/05/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
925	S1-926	Đỗ Thị Thu Trang	Nữ	02/08/2003	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
926	S1-927	Hoàng Thị Thuý Trang	Nữ	04/01/1994	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
927	S1-928	Lê Thùy Trang	Nữ	19/07/1986	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
928	S1-929	Nguyễn Phương Trang	Nữ	01/01/2000	87,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
929	S1-930	Nguyễn Thị Trang	Nữ	09/08/1985	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
930	S1-931	Nguyễn Thị Trang	Nữ	16/10/1986	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
931	S1-932	Nguyễn Thị Trang	Nữ	06/03/1988	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
932	S1-933	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	1/6/1991	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
933	S1-934	Nguyễn Thị Khánh Trang	Nữ	02/08/2005	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
934	S1-935	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	28/03/1990	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
935	S1-936	Phan Thị Thu Trang	Nữ	01/08/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
936	S1-937	Đinh Thị Quỳnh Trang	Nữ	10/07/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
937	S1-938	Vũ Thị Quỳnh Trang	Nữ	20/07/2000	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
938	S1-939	Phạm Thị Trang	Nữ	29/11/1996	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
939	S1-940	Nguyễn Thị Tranh	Nữ	25/03/2002	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
940	S1-941	Lê Thị Thanh Trinh	Nữ	23/09/1982	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
941	S1-942	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	01/07/1994	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
942	S1-943	Nguyễn Như Trong	Nam	20/04/1996	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
943	S1-944	Trần Văn Trọng	Nam	07/02/1986	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
944	S1-945	Vũ Minh Trọng	Nam	18/07/1989	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
945	S1-946	Dương Phương Trung	Nam	15/02/1992	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
946	S1-947	Hà Tất Trung	Nam	07/02/1985	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
947	S1-948	Lưu Quang Trung	Nam	04/02/1996	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
948	S1-949	Nguyễn Đức Trung	Nam	04/03/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
949	S1-950	Nguyễn Lương Trung	Nam	23.06.1978	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
950	S1-951	Đoàn Văn Trường	Nam	18/10/1995	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
951	S1-952	Phạm Văn Trường	Nam	05/06/1988	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
952	S1-953	Vũ Xuân Trường	Nam	07/08/1994	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
953	S1-954	Nguyễn Sinh Trường	Nam	03/12/1981	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
954	S1-955	Lê Mạnh Trường	Nam	08/04/1990	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
955	S1-956	Dương Tuấn Tú	Nam	14/03/1983	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
956	S1-957	Hoàng Anh Tú	Nam	22/09/1992	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
957	S1-958	Nguyễn Ngọc Tú	Nam	15/08/1990	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
958	S1-959	Nguyễn Văn Tú	Nam	8/10/1993	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
959	S1-960	Nguyễn Văn Tú	Nam	17/04/1998	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
960	S1-961	Nguyễn Quang Tú	Nam	1/5/2001	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
961	S1-962	Đinh Văn Tự	Nam	19/09/1995	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
962	S1-963	Nguyễn Gia Tuấn	Nam	20/08/1999	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
963	S1-964	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	11/07/1981	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
964	S1-965	Vũ Hồng Tuấn	Nam	20/10/1987	50,00	Không đạt	90,00	Đạt	Không đạt	
965	S1-966	Đỗ Mạnh Tuấn	Nam	09/11/2000	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
966	S1-967	Phạm Duy Tuấn	Nam	08/04/1984	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
967	S1-968	Đỗ Văn Tuấn	Nam	02/03/1986	67,50	Không đạt	91,25	Đạt	Không đạt	
968	S1-969	Lê Duy Tuấn	Nam	03/07/1991	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
969	S1-970	Ngô Anh Tuấn	Nam	08/11/1999	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
970	S1-971	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	21/07/1994	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
971	S1-972	Nguyễn Phú Tuấn	Nam	16/09/1982	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
972	S1-973	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	22/11/1989	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
973	S1-974	Phạm Đức Tuấn	Nam	05/08/1990	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
974	S1-975	Đoàn Minh Tuấn	Nam	07/10/1978	75,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
975	S1-976	Trần Anh Tuấn	Nam	25/07/1996	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
976	S1-977	Trần Anh Tuấn	Nam	25/11/1993	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
977	S1-978	Trần Văn Tuấn	Nam	10/07/1983	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
978	S1-979	Triệu Văn Tuấn	Nam	5/6/1985	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
979	S1-980	Vũ Hồng Tuấn	Nam	13/08/1970	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
980	S1-981	Lưu Anh Tuấn	Nam	08/03/1987	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
981	S1-982	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	27/05/1991	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
982	S1-983	Phạm Sỹ Tuấn	Nam	08/06/1979	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
983	S1-984	Nguyễn Văn Túc	Nam	16/10/1994	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
984	S1-985	Dương Minh Tùng	Nam	11/12/1995	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
985	S1-986	Đào Thanh Tùng	Nam	28/01/1995	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
986	S1-987	Đinh Sơn Tùng	Nam	25/01/1988	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
987	S1-988	Lưu Hữu Tùng	Nam	19/05/1986	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
988	S1-989	Ngô Duy Tùng	Nam	19/11/1991	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
989	S1-990	Nguyễn Hoàng Tùng	Nam	24/09/1980	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
990	S1-991	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	07/12/1975	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
991	S1-992	Phạm Bách Sơn Tùng	Nam	13/12/1983	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
992	S1-993	Trần Thanh Tùng	Nam	09/06/1999	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
993	S1-994	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	06/10/1992	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
994	S1-995	Ngô Sơn TÙNG	Nam	19/12/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
995	S1-996	Nguyễn Văn Tùng	Nam	04/08/1995	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
996	S1-997	Đinh Thị Tươi	Nữ	10/10/2000	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
997	S1-998	Lâm Văn Tươi	Nam	11/04/1990	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
998	S1-999	Phạm Thị Tươi	Nữ	30/06/1994	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
999	S1-1000	Trần Thị Tươi	Nữ	15/07/1981	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1000	S1-1001	Tiêu Thị Tươi	Nữ	21/07/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1001	S1-1002	Nguyễn Tuấn Tường	Nam	20/06/1997	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1002	S1-1003	Nguyễn Viết Tường	Nam	18/04/1983	73,75	Đạt	68,75	Không đạt	Không đạt	
1003	S1-1004	Nguyễn Đình Tuyên	Nam	10/05/1989	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1004	S1-1005	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	25/10/1992	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1005	S1-1006	Lê Ánh Tuyết	Nữ	18/06/1988	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1006	S1-1007	Phạm Thị Ánh Tuyết	Nữ	09/02/1990	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1007	S1-1008	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	10/11/1982	77,50	Đạt	71,25	Đạt	Đạt	
1008	S1-1009	Bùi Thị Ánh Tuyết	Nữ	09/04/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1009	S1-1010	Nguyễn Thị Ty	Nữ	24/07/1977	90,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1010	S1-1011	Nguyễn Thị Lệ Uyên	Nam	02/07/1977	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1011	S1-1012	Diêm Thị Thu Uyên	Nữ	29/09/2000	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1012	S1-1013	Nguyễn Thị Vân	Nữ	07/10/2000	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1013	S1-1014	Lê Thị Vân	Nữ	16/02/1994	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1014	S1-1015	Hoàng Thị Cẩm Vân	Nữ	07/01/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1015	S1-1016	Bế Thị Thùy Vân	Nam	17/09/1988	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1016	S1-1017	Dương Thị Vân	Nam	20/09/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1017	S1-1018	Mai Thị Vân	Nam	20/12/1988	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1018	S1-1019	Nguyễn Thị Vân	Nam	07/11/1993	95,00	Đạt	75,50	Đạt	Đạt	
1019	S1-1020	Nguyễn Thuỳ Vân	Nam	08/02/1991	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1020	S1-1021	Phạm Thị Vân	Nam	18/05/1984	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
1021	S1-1022	Tạ Thị Ái Vân	Nam	27/10/1986	86,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1022	S1-1023	Trần Thị Hải Vân	Nam	23/02/1996	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1023	S1-1024	Hoàng Thị Kim Vân	Nam	20/12/1991	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1024	S1-1025	Phạm Thanh Vân	Nam	09/06/2003	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1025	S1-1026	Nguyễn Thị Tường Vi	Nam	21/11/1983	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1026	S1-1027	Bùi Thị Vi	Nam	23/07/1994	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1027	S1-1028	Nguyễn Quang Vĩ	Nam	30/04/1993	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1028	S1-1029	Đỗ Xuân Việt	Nam	28/10/1978	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1029	S1-1030	Lưu Đức Việt	Nam	21/11/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1030	S1-1031	Phạm Quốc Việt	Nam	15/12/1990	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1031	S1-1032	Trương Hữu Việt	Nam	02/08/1988	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1032	S1-1033	Đặng Đình Việt	Nam	16/11/1999	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1033	S1-1034	Nguyễn Đình Việt	Nam	16/04/1998	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1034	S1-1035	Nguyễn Quốc Việt	Nam	08/11/2003	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1035	S1-1036	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	10/04/1977	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1036	S1-1037	Nguyễn Anh Vinh	Nam	18/02/1989	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1037	S1-1038	Mai Ngọc Vinh	Nam	17/10/1980	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
1038	S1-1039	Ngô Thị Vinh	Nữ	25/04/1984	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1039	S1-1040	Ngô Huy Vinh	Nam	29/07/1971	68,75	Không đạt	76,25	Đạt	Không đạt	
1040	S1-1041	Đỗ Thị Vinh	Nữ	27/08/1993	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1041	S1-1042	Dương Văn Vinh	Nam	12/11/1987	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1042	S1-1043	Nguyễn Lê Anh Tuấn Vũ	Nam	28/06/1995	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1043	S1-1044	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	18/05/1983	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1044	S1-1045	Đặng Anh Vũ	Nam	12/07/1997	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1045	S1-1046	Đinh Thị Vui	Nữ	10/08/1998	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1046	S1-1047	Nguyễn Thị Vui	Nữ	25/05/1980	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1047	S1-1048	Nguyễn Hồng Vương	Nữ	20/10/1985	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1048	S1-1049	Vũ Văn Vương	Nam	02/01/2002	88,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1049	S1-1050	Nguyễn Thị Vy	Nữ	09/10/1988	90,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1050	S1-1051	Mai Thị Xuân	Nữ	13/01/1985	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1051	S1-1052	Nguyễn Văn Xuân	Nam	02/01/1996	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1052	S1-1053	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	09/10/1983	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
1053	S1-1054	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	05/10/1991	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
1054	S1-1055	Vũ Thị Xuân	Nữ	20/07/1992	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1055	S1-1056	Trần Thị Yên	Nữ	5/12/1982	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1056	S1-1057	Lê Nguyễn Thái Yên	Nữ	30/10/2003	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1057	S1-1058	Ngô Thị Yến	Nữ	21/06/1992	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
1058	S1-1059	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	05/02/1992	96,25	Đạt	100	Đạt	Đạt	
1059	S1-1060	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Nữ	08/07/1989	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1060	S1-1061	Phạm Thị Yến	Nữ	10/12/1991	96,25	Đạt	100	Đạt	Đạt	
1061	S1-1062	Trần Thị Hải Yến	Nữ	28/12/1980	83,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1062	S1-1063	Phạm Thị Ngọc Yến	Nữ	06/10/1992	93,75	Đạt	100	Đạt	Đạt	
1063	S1-661	Đoàn Ánh Nguyệt	Nữ	27/01/1992	77,5	Đạt	82,5	Đạt	Đạt	
1064	S1-1064	Nguyễn Nhân Ân	Nam	03/10/1969	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1065	S1-1065	Trần Thị Lan Anh	Nữ	05/01/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1066	S1-1066	Trần Gia Bảo	Nam	16/02/2000	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1067	S1-1067	Vũ Văn Chiến	Nam	08/02/1983	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1068	S1-1068	Nguyễn Thế Cường	Nam	18/7/1984	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1069	S1-1069	Nguyễn Thị Dinh	Nữ	18/04/1976	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1070	S1-1070	Nguyễn Văn Đồi	Nam	21/6/1964	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1071	S1-1071	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	02/10/1984	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1072	S1-1072	Nguyễn Trọng Hạnh	Nam	10/07/1978	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1073	S1-1073	Nguyễn Vinh Hạnh	Nam	18/06/1981	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1074	S1-1074	Bùi Thị Hạnh	Nữ	05/10/1990	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1075	S1-1075	Trần Thị Hiền	Nữ	14/02/1982	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1076	S1-1076	Đàm Thị Mai Hoa	Nữ	03/05/1982	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1077	S1-1077	Vũ Minh Hoà	Nam	18/12/1981	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1078	S1-1078	Phạm Thị Hương	Nữ	19/05/1985	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1079	S1-1079	Nguyễn Thị Hương	Nữ	06/07/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1080	S1-1080	Nguyễn Thị Liên	Nữ	17/07/1981	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1081	S1-1081	Lê Thị Lụa	Nữ	10/12/1981	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1082	S1-1082	Hoàng Nam	Nam	02/10/1981	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1083	S1-1083	Nguyễn Tuấn Nam	Nam	19/11/1993	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1084	S1-1084	Nguyễn Hoàng Nguyên	Nam	08/07/1982	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1085	S1-1085	Lê Vũ Xuân Phương	Nam	28/2/1997	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1086	S1-1086	Ngô Quang Thành	Nam	31/10/1973	0,00	Không đạt	0,00	Không đạt	Không đạt	
1087	S1-1087	Đặng Thị Hồng Thuý	Nữ	11/03/1981	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1088	S1-1088	Đoàn Thị Thu Thuý	Nữ	05/06/1978	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1089	S1-1089	Bùi Huyền Trang	Nữ	02/02/2006	70,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1090	S1-1090	Nguyễn Xuân Tú	Nam	15/10/1985	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1091	S1-1091	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	17/07/1988	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1092	S1-1092	Lương Thị Tuyên	Nữ	30/05/1984	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1093	S1-1093	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	12/04/1989	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1094	S1-1094	Trần Lâm Uý	Nam	01/07/1981	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	